TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **45/**2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2024
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Lượng và ông Phạm Văn Vượng.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung

sống vợ chồng bình thường hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 4/2024 chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường to tiếng cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Lời khai bị đơn anh Hoàng Văn C có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Trần Thị T đi làm công nhân Công ty ở Khu công nghiệp B, thuộc huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và có quan hệ bất chính với người đàn ông khác về đòi ly hôn với anh. Do anh không đồng ý ly hôn nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường to tiếng cãi nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ thương con, anh không muốn các con phải sống không có bố hoặc không có mẹ.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C có 02 người con chung là Hoàng Trọng T1, sinh ngày 23/7/2017 và Hoàng Thảo N, sinh ngày 24/4/2021. Quá trình giải quyết nguyên đơn chị T có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thảo N, giao cháu Hoàng Trọng T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn anh C có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Hoàng Văn C và chị Trần Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương, năm 2022 chị T đi làm công nhân công ty về phát sinh mâu thuẫn với anh C, vợ chồng sống ly thân khoảng hơn 01 (một) năm, chị T không còn ở chung với anh C. Vợ chồng có hai người con chung, nếu ly hôn đề nghị giao cháu Hoàng Trọng T1 cho anh C, giao cháu Hoàng Thảo N cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của

của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C; Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng T1, sinh ngày 23/7/2017 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 24/4/2021 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Trần Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn C có mặt, nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Tháng 4/2024 chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn với chị T. Lời khai của anh C và kết quả xác minh thể hiện sau khi chị T đi làm công nhân

Công ty thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có to tiếng cãi chửi nhau, hiện đang sống ly thân, chị T không sống ở địa phương, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Trọng T1, sinh ngày 23/7/2017 và Hoàng Thảo N, sinh ngày 24/4/2021.

Xét thấy, cháu Hoàng Trọng T1 và Hoàng Thảo N là con chung của chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết nguyên đơn chị T có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thảo N, anh C có quan điểm được nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ nguyện vọng của các đương sự HĐXX thấy cần giao cháu Hoàng Trọng T1, sinh ngày 23/7/2017 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 24/4/2021 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 09 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng T1, sinh ngày 23/7/2017 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 24/4/2021 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001429 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Đ. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến